

HIỆP ĐỊNH ĐỐI TÁC XUYÊN THÁI BÌNH DƯƠNG: KẾT QUẢ ĐÀM PHÁN, CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC CHO VIỆT NAM

*Hoàng Văn Châu**

Tóm tắt

Ngày 5/10/2015, Việt Nam và 11 nước khu vực Châu Á- Thái Bình Dương vừa kết thúc đàm phán Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình dương. Nội dung chính của hiệp định gồm 30 chương, cùng nhiều phụ lục không chỉ bao gồm những cam kết tự do hóa thương mại mà còn nhiều vấn đề liên quan đến cái cách thể chế kinh tế thị trường như doanh nghiệp Nhà nước, mua sắm công, lao động, ... Với mức độ và phạm vi cam kết sâu rộng, hiệp định TPP sẽ ảnh hưởng mạnh mẽ đến nền kinh tế Việt Nam, đòi hỏi chúng ta phải nhận thức được rõ các cơ hội và thách thức để có sự chuẩn bị và sẵn sàng thực hiện hiệp định này.

Từ khóa: Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình dương, TPP, kết quả đàm phán, cơ hội, thách thức.

Mã số: 195.261015. Ngày nhận bài: 26/10/2015. Ngày hoàn thành biên tập: 05/11/2015. Ngày duyệt đăng: 05/11/2015.

Abstract

On 5th October 2015, Vietnam and 11 countries in Asia Pacific have concluded the negotiation of the Trans – Pacific Partnership Agreement. The TPP includes 30 chapters and numerous annexes, covering not only trade liberalisations but also the institutional issues such as State-owned enterprises, government procurement and labour. With such wide coverage and deep commitment, the TPP is expected to have a wide impacts on Vietnam's economy. It is necessary to identify clearly opportunities and challenges to have a proper preparation and get ready for the implementation period.

Key words: Trans – Pacific Partnership Agreement, TPP, the results of negotiation, opportunities, challenges.

Paper No. 195.261015. Date of receipt: 26/10/2015. Date of revision: 05/11/2015. Date of approval: 05/11/2015.

Sau hơn 5 năm đàm phán, ngày 05 tháng 10 năm 2015, Bộ trưởng của 12 nước tham gia Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) gồm Ôt-xtrây-li-a, Bru-nây, Ca-na-đa, Chi-lê, Nhật Bản, Ma-lai-xi-a, Mê-hi-cô, Niu Di-lân, Pê-ru, Xinh-ga-po, Hoa Kỳ và Việt Nam, đã tuyên bố kết thúc đàm phán và đạt được một thỏa thuận mang tính bước ngoặt. TPP được coi là một hiệp định có tiêu chuẩn và chất lượng cao, toàn diện và cân bằng, là hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, hiệp định của thế kỷ 21. Với 12 nước tham gia, gồm 800 triệu dân, chiếm 40%

GDP thế giới, 1/3 thương mại toàn cầu, TPP hứa hẹn sẽ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế; hỗ trợ tạo và duy trì việc làm; thúc đẩy việc đổi mới và phát triển bền vững; tăng năng suất và tính cạnh tranh; nâng cao mức sống, giảm nghèo tại các nước; nâng cao tính minh bạch, năng lực quản trị cũng như bảo vệ người lao động và môi trường. TPP tạo nền tảng cho việc hội nhập kinh tế khu vực cũng như hội nhập giữa các nền kinh tế khác xuyên khu vực châu Á – Thái Bình Dương và sẽ góp phần giải quyết các thách thức của thương mại quốc tế thế kỷ 21.

* GS, TS, Trường Đại học Ngoại thương

1. Kết quả đàm phán:

Như trên đã nói, 12 nước đã kết thúc đàm phán, đã đạt được một thỏa thuận lịch sử, một hiệp định đầy tham vọng, toàn diện, chất lượng, tiêu chuẩn cao, gồm 30 chương, các phụ lục và lộ trình thực hiện. Nội dung của Hiệp định TPP về cơ bản giống như nội dung của các FTA khác: thương mại hàng hóa, dịch vụ; đầu tư; thương mại điện tử; sở hữu trí tuệ; hải quan và thuận lợi hóa thương mại; vệ sinh kiểm dịch động thực vật; hàng rào kỹ thuật đối với thương mại; quy định về phòng vệ thương mại; các vấn đề xuyên suốt; giải quyết tranh chấp và chương ngoại lệ. Ngoài ra, TPP còn đưa vào những vấn đề thương mại mới và đang nổi lên như vấn đề lao động, môi trường và những nội dung liên quan đến Internet, nền kinh tế số, các điều khoản về thể chế, cơ chế giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư và Chính phủ. Các nội dung cụ thể:

Đãi ngộ quốc gia và tiếp cận thị trường (chương 2)¹

Các bên tham gia TPP tiếp tục khẳng định những nguyên tắc cơ bản của Tổ chức thương mại thế giới (WTO) như đãi ngộ quốc gia và minh bạch. Trong hiệp định TPP, các nước đã thống nhất được về một cơ chế tham vấn (consultation mechanism) rõ ràng và hiệu quả hơn để đảm bảo việc thực thi các nguyên tắc này.

Điểm nổi bật của hiệp định TPP là đưa ra nguyên tắc ratchet (“chỉ tiến không lùi”). Nguyên tắc này đòi hỏi các nước TPP khi xây dựng biện pháp mới thì không được làm giảm conformity với biện pháp bảo lưu trước đó (nghĩa là phải tự do hóa hơn). Do đó, tại

mỗi bảo lưu của các chương có 2 phần: Phần 1 hoặc A áp dụng cho các biện pháp cụ thể - tức là đã luật hóa thì phải áp dụng ratchet; Phần 2 hoặc B (tùy từng chương) không áp dụng ratchet dành cho các biện pháp chung về duy trì khoảng không chính sách².

Đối với thương mại hàng hóa, các Bên tham gia TPP nhất trí xóa bỏ hoặc cắt giảm thuế quan và các hàng rào phi thuế quan đối với hàng hóa công nghiệp và xóa bỏ hoặc cắt giảm thuế quan cũng như các chính sách mang tính hạn chế khác đối với hàng hóa nông nghiệp. Hầu hết thuế quan sẽ được xóa bỏ ngay lập tức, mặc dù thuế quan đối với một số mặt hàng nhạy cảm sẽ được xóa bỏ với lộ trình dài hơn do các bên thống nhất. Lộ trình cắt giảm thuế quan được quy định cụ thể đối với từng quốc gia thông qua các phụ lục, nhưng thời hạn lâu nhất không quá 10 năm. Các Bên tham gia TPP sẽ công bố các lộ trình này và những thông tin khác liên quan tới thương mại hàng hóa để bảo đảm rằng các doanh nghiệp vừa và nhỏ cũng như các doanh nghiệp lớn có thể tận dụng được Hiệp định TPP. Các Bên cũng nhất trí không sử dụng các yêu cầu về thực hiện như là điều kiện để một số nước áp đặt cho các doanh nghiệp để được hưởng các lợi ích về thuế quan. Ngoài ra, các Bên nhất trí không áp dụng các hạn chế xuất khẩu, nhập khẩu và các loại thuế không phù hợp với WTO, bao gồm cả đối với hàng tân trang. Nếu các Bên TPP duy trì yêu cầu về giấy phép xuất nhập khẩu thì phải thông báo cho nhau về quy trình, thủ tục để tăng tính minh bạch và thúc đẩy thương mại. Việc tiếp cận mang tính ưu đãi thông qua Hiệp định TPP sẽ làm gia tăng thương mại giữa các nước TPP với thị trường

¹ Chương 1 của Hiệp định bao gồm các quy định chung và khái niệm.

² Việt Nam bảo lưu việc chưa thực hiện nguyên tắc này trong thời gian 3 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực.

gồm 800 triệu dân và sẽ hỗ trợ cho việc làm chất lượng hàng hóa tăng cao tại tất cả 12 nước thành viên.

Đối với hàng nông nghiệp, các Bên sẽ xóa bỏ hoặc cắt giảm thuế quan và các chính sách mang tính hạn chế khác để gia tăng thương mại hàng nông nghiệp trong khu vực, tăng cường an ninh lương thực. Bên cạnh việc xóa bỏ hoặc cắt giảm thuế quan, các Bên TPP nhất trí thúc đẩy cải cách chính sách, bao gồm cả việc xóa bỏ trợ cấp xuất khẩu nông nghiệp, hợp tác với WTO để xây dựng các quy tắc về doanh nghiệp Nhà nước xuất khẩu, về tín dụng xuất khẩu và giới hạn khoảng thời gian cho phép áp dụng các hạn chế đối với xuất khẩu lương thực nhằm bảo đảm hơn nữa an ninh lương thực trong khu vực. Các Bên tham gia TPP nhất trí nâng cao tính minh bạch và phối hợp trong một số hoạt động liên quan đến công nghệ sinh học nông nghiệp.

Quy tắc xuất xứ (chương 3)

Nhằm cung cấp một bộ quy tắc xuất xứ đơn giản, đẩy mạnh chuỗi cung ứng khu vực và đảm bảo rằng các nước TPP, chứ không phải là các nước khác, được hưởng lợi đầu tiên từ TPP, 12 nước thành viên TPP đã thống nhất về một bộ quy tắc xuất xứ chung, xác định một hàng hóa cụ thể “có xuất xứ” và do vậy được hưởng thuế quan ưu đãi trong TPP. Quy tắc xuất xứ cụ thể theo mặt hàng được kèm theo Hiệp định. TPP cũng có quy định về “cộng gộp”, về nguyên tắc, nguyên liệu đầu vào từ một Bên TPP được coi như nguyên liệu từ một Bên TPP khác nếu được sử dụng để sản xuất ra một sản phẩm tại bất kỳ một Bên TPP nào. Các Bên TPP cũng đưa ra các quy tắc để bảo đảm rằng các doanh nghiệp có thể hoạt động một cách dễ dàng xuyên khu vực TPP thông qua việc thiết lập một hệ thống chung trên

toàn khu vực TPP để chứng minh và xác nhận hàng hóa sản xuất tại các nước TPP đáp ứng điều kiện về xuất xứ. Các nhà nhập khẩu sẽ có thể yêu cầu được hưởng ưu đãi về xuất xứ với điều kiện họ có các chứng từ chứng minh. Ngoài ra, Chương này còn cung cấp cho các cơ quan có thẩm quyền công cụ cần thiết để xác minh các yêu cầu về hưởng ưu đãi một cách thích hợp.

Sản phẩm Dệt may (chương 4)

Các Bên tham gia TPP nhất trí xóa bỏ thuế quan đối với hàng dệt may - ngành công nghiệp đóng vai trò quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế tại một số nước TPP. Tuy nhiên, để được hưởng các ưu đãi này, đòi hỏi sản phẩm dệt may phải đáp ứng các tiêu chuẩn về quy tắc xuất xứ được quy định cụ thể trong chương 4 của Hiệp định. Chương này bao gồm các quy tắc xuất xứ cụ thể (Product-specific rules of origin), nhấn mạnh vào yêu cầu việc sử dụng sợi và vải từ khu vực TPP để thúc đẩy việc thiết lập các chuỗi cung ứng và đầu tư khu vực trong lĩnh vực này. Tuy nhiên, các nước cũng đã thống nhất được về cơ chế “nguồn cung thiếu hụt” (short provision) cho phép các nước được sử dụng nguyên liệu từ bên ngoài khu vực TPP trong điều kiện nguyên liệu đó chưa hoặc không thể được cung cấp từ khu vực TPP. Danh sách các loại nguyên liệu được quy định trong danh sách tạm thời (sẽ phải loại bỏ trong thời gian 5 năm) và danh sách vĩnh viễn. Ngoài ra, Chương này còn bao gồm các cam kết về hợp tác và thực thi hải quan nhằm ngăn chặn việc trốn thuế, buôn lậu và gian lận cũng như cơ chế tự vệ đặc biệt đối với dệt may để đối phó với thiệt hại nghiêm trọng hoặc nguy cơ bị thiệt hại nghiêm trọng đối với ngành sản xuất trong nước trong trường hợp có sự gia tăng đột biến về nhập khẩu.

Hải quan và thuận lợi hóa thương mại (chương 5)

Các Bên TPP đã nhất trí về các quy tắc nhằm thúc đẩy việc tạo thuận lợi cho thương mại, nâng cao tính minh bạch hóa trong các thủ tục hải quan và bảo đảm tính thống nhất trong việc quản lý hải quan. Những quy tắc này sẽ hỗ trợ các doanh nghiệp trong các nước TPP, khuyến khích các quy trình vận hành thủ tục hải quan nhanh chóng và thúc đẩy chuỗi cung ứng khu vực. Các Bên TPP đã nhất trí minh bạch hóa các quy tắc, trong đó có việc công bố các luật và quy định về hải quan cũng như quy định về giải phóng hàng hóa không chậm trễ và ký quỹ hoặc thanh toán bắt buộc trong trường hợp hải quan chưa đưa ra quyết định về số thuế hoặc phí phải trả. Các nước TPP nhất trí áp dụng những quy định thông báo trước về xác định trị giá hải quan và các vấn đề khác nhằm giúp doanh nghiệp kinh doanh với khả năng có thể tiên liệu được. Các nước cũng nhất trí về các quy định liên quan tới xử phạt hải quan để bảo đảm các hình thức xử phạt này được thực hiện một cách công bằng và minh bạch. Bên cạnh đó, các nước TPP đã nhất trí về các quy định hải quan đối với chuyển phát nhanh và cung cấp thông tin khi được yêu cầu để hỗ trợ lẫn nhau trong việc thực thi luật hải quan.

Phòng vệ thương mại (Chương 6)

Quy định của chương này thúc đẩy minh bạch hóa và quy trình thủ tục trong các vụ kiện phòng vệ thương mại thông qua việc công nhận các thực tiễn tốt nhất nhưng không ảnh hưởng đến các quyền và nghĩa vụ của các thành viên TPP trong WTO. Chương này đưa ra một cơ chế tự vệ tạm thời, cho phép một thành viên thực hiện một biện pháp tự vệ tạm thời trong một khoảng thời gian cụ thể nếu việc nhập khẩu tăng đột biến do kết quả của

việc cắt giảm thuế được thực hiện theo Hiệp định TPP đủ để gây ra thiệt hại nghiêm trọng đối với ngành sản xuất trong nước. Các biện pháp này có thể được duy trì lên tới 2 năm, với việc gia hạn 1 năm, nhưng phải được tự do hóa theo hướng tiến bộ hơn nếu các biện pháp này đã kéo dài hơn 1 năm. Các thành viên áp dụng các biện pháp tự vệ sẽ phải thực hiện các yêu cầu thông báo và tham vấn. Chương này cũng đưa ra các quy định yêu cầu một thành viên TPP đang áp dụng biện pháp tự vệ tạm thời cung cấp khoản bồi thường được các bên thống nhất. Đồng thời, các thành viên không được cùng lúc áp dụng nhiều hơn một biện pháp tự vệ được cho phép trong TPP đối với một sản phẩm.

Các biện pháp vệ sinh, kiểm dịch động thực vật (chương 7)

Liên quan đến việc cải tiến các quy định về vệ sinh, kiểm dịch động thực vật (SPS), các nước TPP đã chia sẻ mối quan tâm trong việc bảo đảm các quy định dựa trên căn cứ khoa học mang tính minh bạch, không phân biệt đối xử, và tái khẳng định quyền của các nước trong việc bảo đảm an ninh lương thực và bảo vệ sức khỏe vật nuôi và cây trồng tại nước mình. Hiệp định TPP dựa trên các quy định của WTO về xác định và quản lý rủi ro theo cách làm ảnh hưởng đến thương mại ít nhất. Các nước TPP nhất trí cho phép công chúng được đóng góp ý kiến vào các dự thảo quy định SPS trong quá trình đưa ra quyết định và ban hành chính sách cũng như để bảo đảm rằng doanh nghiệp hiểu rõ các quy định mà họ sẽ phải tuân thủ. Các Bên cũng nhất trí rằng các biện pháp khẩn cấp cần thiết để bảo vệ sức khỏe con người, động thực vật có thể được thực hiện với điều kiện Bên thực hiện biện pháp đó phải thông báo cho tất cả các Bên. Bên thực hiện biện pháp đó phải báo cáo cơ sở

khoa học biện pháp được áp dụng trong vòng 6 tháng. Ngoài ra, các Bên cam kết cải thiện việc trao đổi thông tin liên quan tới các yêu cầu về tương đương và khu vực hóa, cũng như đẩy mạnh việc kiểm toán trên toàn hệ thống để đánh giá tính hiệu quả trong việc kiểm soát về mặt quy định của bên xuất khẩu. Để giải quyết nhanh các vấn đề SPS phát sinh, các Bên đã nhất trí thiết lập một cơ chế tham vấn giữa các chính phủ.

Hàng rào kỹ thuật đối với thương mại (TBT) (chương 8)

Các thành viên TPP đã nhất trí về các nguyên tắc minh bạch và không phân biệt đối xử khi xây dựng các quy định, tiêu chuẩn kỹ thuật và quy trình đánh giá sự phù hợp, trong khi vẫn bảo lưu khả năng của các thành viên TPP thực hiện các mục tiêu hợp pháp. Các thành viên TPP đồng ý hợp tác để đảm bảo rằng các quy định và tiêu chuẩn kỹ thuật không tạo ra rào cản không cần thiết đối với thương mại. Để giảm chi phí cho các doanh nghiệp TPP, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ, các thành viên TPP nhất trí với quy tắc khuyến khích việc chấp nhận kết quả của quy trình đánh giá của các cơ quan đánh giá trong các thành viên TPP khác, tạo điều kiện dễ dàng hơn cho các công ty tiếp cận thị trường các nước TPP. Các thành viên phải cho phép công chúng góp ý đối với dự thảo các quy định, tiêu chuẩn kỹ thuật và thủ tục đánh giá sự phù hợp, phải thông báo quá trình xây dựng chính sách và đảm bảo rằng các thương nhân hiểu rõ các quy định mà họ cần phải thực hiện. Các thành viên cũng sẽ đảm bảo một khoảng thời gian hợp lý giữa thời điểm công bố các quy định kỹ thuật và đánh giá sự phù hợp và thời điểm có hiệu lực để các doanh nghiệp có đủ thời gian đáp ứng các yêu cầu mới. Hiệp định TPP còn bao gồm các phụ lục liên quan tới các quy

định về các lĩnh vực cụ thể nhằm thúc đẩy các cách tiếp cận chung về chính sách trong khu vực TPP. Các lĩnh vực này bao gồm mỹ phẩm, thiết bị y tế, dược phẩm, các sản phẩm công nghệ thông tin và truyền thông, rượu và đồ uống có cồn, thực phẩm và các chất gây nghiện và các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ.

Đầu tư (chương 9)

Các thành viên TPP đã đưa ra các nguyên tắc yêu cầu có chính sách và bảo hộ đầu tư không phân biệt đối xử nhằm bảo đảm nguyên tắc cơ bản của luật pháp, trong khi vẫn bảo đảm khả năng của các Chính phủ đạt được các mục tiêu chính sách công hợp pháp. TPP quy định sự bảo hộ đầu tư cơ bản như trong các hiệp định đầu tư khác, bao gồm: đối xử quốc gia; đối xử tối huệ quốc; “tiêu chuẩn đối xử tối thiểu” đối với đầu tư phù hợp với nguyên tắc luật pháp quốc tế; cấm việc trưng thu không vì mục đích công cộng, không theo quy trình thủ tục phù hợp và không bồi thường; cấm tự do chuyển tiền liên quan đến đầu tư với các ngoại lệ trong Hiệp định TPP nhằm đảm bảo cho các Chính phủ giữ quyền linh hoạt quản lý các dòng vốn không ổn định, bao gồm thông qua biện pháp tự vệ tạm thời không phân biệt đối xử nhằm hạn chế việc chuyển tiền liên quan đến đầu tư trong trường hợp khủng hoảng hoặc có nguy cơ khủng hoảng cán cân thanh toán, và các cuộc khủng hoảng kinh tế khác hoặc để đảm bảo sự toàn vẹn và ổn định của hệ thống tài chính; nghiêm cấm “các yêu cầu thực hiện” chẳng hạn như yêu cầu về hàm lượng nội địa hoặc tỷ lệ nội địa hóa công nghệ; và tự do bỏ nhiệm các vị trí quản lý cấp cao mà không quan tâm đến quốc tịch.

Các thành viên thông qua các nghĩa vụ dựa trên cơ sở “một danh mục chọn bỏ”, nghĩa là thị trường các nước là mở hoàn toàn đối với các nhà đầu tư nước ngoài, trừ khi các

Thành viên đưa ra một ngoại lệ (biện pháp bảo lưu không tương thích – Non Conformity Measures) trong một trong hai Phụ lục cụ thể của quốc gia đó: (1) các biện pháp hiện hành trong đó một quốc gia chấp nhận nghĩa vụ không đưa ra các biện pháp hạn chế hơn trong tương lai và tuân thủ bất kỳ sự tự do hóa nào trong tương lai, và (2) các biện pháp và chính sách mà theo đó một quốc gia duy trì quyền tự do làm theo ý mình trong tương lai.

Điểm nổi bật của chương này là quy định việc giải quyết bằng trọng tài quốc tế trung lập và minh bạch đối với các tranh chấp về đầu tư, với cơ chế tự vệ mạnh mẽ nhằm ngăn chặn các khiếu nại lạm dụng và đảm bảo quyền của các Chính phủ quản lý vì lợi ích công cộng, bao gồm bảo vệ sức khỏe, an toàn và môi trường. Cơ chế tự vệ theo quy trình bao gồm: tổ tụng trọng tài minh bạch, đệ trình của các bên quan tâm, đệ trình của bên thứ ba; việc rà soát được tiến hành đối với các khiếu nại không đáng kể và quyết định về phí luật sư; rà soát tạm thời và cơ chế quyết định; diễn giải chung mang tính ràng buộc của các Bên TPP; các hạn chế thời gian thực hiện khiếu nại; và các quy định nhằm ngăn chặn bên nguyên đơn theo đuổi một khiếu nại theo các quy trình song song.

Thương mại dịch vụ qua biên giới (chương 10)

Các Thành viên TPP chia sẻ sự quan tâm về tự do hóa thương mại trong lĩnh vực thương mại dịch vụ và các nghĩa vụ cốt lõi trong WTO và các hiệp định thương mại khác: đối xử quốc gia; đối xử tối huệ quốc; mở cửa thị trường theo đó không Thành viên TPP nào được áp dụng các hạn chế định lượng đối với việc cung cấp dịch vụ hoặc yêu cầu thành lập một loại thực thể pháp lý hoặc liên doanh cụ thể; và hiện diện địa phương, nghĩa là không một nước nào có thể yêu cầu một nhà cung

cấp từ một quốc gia khác thiết lập một văn phòng hoặc chi nhánh hoặc cư trú trong lãnh thổ của mình để cung cấp dịch vụ.

Các Thành viên TPP chấp nhận các nghĩa vụ dựa trên cơ sở “một danh mục chọn bỏ”, nghĩa là thị trường các nước là mở hoàn toàn đối với các nhà đầu tư nước ngoài, trừ khi các Thành viên đưa ra một ngoại lệ (biện pháp bảo lưu không tương thích) trong một trong hai Phụ lục cụ thể của quốc gia đó đính kèm Hiệp định: (1) các biện pháp hiện hành trong đó một quốc gia chấp nhận nghĩa vụ không đưa ra các biện pháp hạn chế hơn trong tương lai và tuân thủ bất kỳ sự tự do hóa nào trong tương lai, và (2) các biện pháp và chính sách mà theo đó một quốc gia duy trì quyền tự do làm theo ý mình trong tương lai.

Các Thành viên TPP cũng đồng ý quản lý các biện pháp áp dụng chung theo cơ chế hợp lý, khách quan và công bằng; và chấp nhận các yêu cầu về minh bạch hóa trong xây dựng các quy định mới về dịch vụ. Các lợi ích của chương này có thể bị từ chối đối với “các doanh nghiệp bên ngoài TPP” và một nhà cung cấp dịch vụ được sở hữu bởi các bên không phải là Thành viên TPP và một Thành viên TPP nghiêm cấm các giao dịch cụ thể với bên đó. Các Thành viên TPP đồng ý cho phép tự do chuyển tiền liên quan tới cung cấp dịch vụ qua biên giới.

Dịch vụ tài chính (chương 11)

Chương này cung cấp các cơ hội mở cửa thị trường đầu tư qua biên giới, trong khi đảm bảo rằng các Thành viên TPP duy trì khả năng quản lý đối với các tổ chức, thị trường tài chính và áp dụng các biện pháp khẩn cấp trong trường hợp khủng hoảng. Chương này bao gồm các nghĩa vụ cốt lõi trong các hiệp định thương mại khác như: đối xử quốc gia, đối xử tối huệ quốc, mở cửa thị trường và một

số điều khoản của Chương Đầu tư. TPP quy định việc cung cấp dịch vụ tài chính qua biên giới sang một Thành viên TPP từ một nhà cung cấp dịch vụ của một Thành viên TPP khác mà không yêu cầu nhà cung cấp dịch vụ phải thành lập một cơ sở ở nước khác để cung cấp dịch vụ- phụ thuộc vào việc đăng ký và cho phép của nhà cung cấp dịch vụ tài chính qua biên giới của một bên TPP khác nhằm giúp đảm bảo việc quản lý và giám sát thích hợp. Một nhà cung cấp dịch vụ của một Thành viên TPP có thể cung cấp một dịch vụ tài chính mới tại thị trường của nước TPP khác nếu các công ty trong nước tại thị trường này được phép cung cấp dịch vụ đó. Các Thành viên TPP có các ngoại lệ cụ thể của mình đối với một số các quy định trong hai phụ lục đính kèm Hiệp định TPP: (1) các biện pháp hiện hành trong đó một quốc gia chấp nhận nghĩa vụ không đưa ra các biện pháp hạn chế hơn trong tương lai và tuân thủ bất kỳ sự tự do hóa nào trong tương lai, và (2) các biện pháp và chính sách mà theo đó một quốc gia duy trì quyền tự do làm theo ý mình trong tương lai.

Các Thành viên TPP cũng đưa ra các nguyên tắc chính thức công nhận tầm quan trọng của quy trình hoạch định chính sách để giải quyết việc đưa ra các dịch vụ bảo hiểm của các nhà cung cấp được cấp phép và các quy trình để đạt được mục tiêu này. Thêm vào đó, Hiệp định TPP bao gồm các cam kết cụ thể về quản lý danh mục đầu tư, dịch vụ thanh toán thẻ điện tử và chuyên thông tin để xử lý dữ liệu. Hiệp định cũng quy định về giải quyết tranh chấp liên quan tới một số nội dung thông qua trọng tài đầu tư minh bạch và trung lập, bao gồm các tranh chấp về đầu tư, yêu cầu về trình độ chuyên môn của trọng tài và cơ chế đặc biệt giữa quốc gia và quốc gia nhằm tạo điều kiện cho việc áp dụng ngoại lệ thận trọng và các ngoại lệ khác của Chương. Cuối cùng,

Hiệp định bao gồm các ngoại lệ duy trì quyền linh hoạt lớn cho các nhà quản lý tài chính của TPP. Các nhà quản lý tài chính này có thể thực hiện các biện pháp thúc đẩy sự ổn định tài chính và sự toàn vẹn của hệ thống tài chính bao gồm các ngoại lệ thận trọng và ngoại lệ về các biện pháp không phân biệt đối xử nhằm theo đuổi các chính sách tiền tệ hoặc chính sách cụ thể khác.

Nhập cảnh tạm thời của khách kinh doanh (chương 12)

Chương này khuyến khích các cơ quan có thẩm quyền của các thành viên TPP cung cấp thông tin về việc nộp đơn xin nhập cảnh, để đảm bảo rằng phí nộp đơn là hợp lý, đưa ra quyết định đối với đơn xin nhập cảnh và thông tin cho các ứng viên nộp đơn về quyết định sớm nhất có thể. Các thành viên TPP đồng ý đảm bảo rằng các yêu cầu về nhập cảnh tạm thời là sẵn sàng công khai cho công chúng, bao gồm công bố thông tin kịp thời và trực tuyến nếu có thể và cung cấp tài liệu giải thích; và các Bên đồng ý tiếp tục hợp tác về các vấn đề nhập cảnh tạm thời chẳng hạn như xử lý thị thực. Đa số các thành viên TPP cũng đã cam kết về mở cửa thị trường khách kinh doanh cho nhau, theo như Phụ lục cụ thể của từng nước đính kèm Hiệp định TPP.

Viễn thông (chương 13)

Các thành viên TPP chia sẻ sự quan tâm trong việc đảm bảo mạng lưới viễn thông hiệu quả và đáng tin cậy tại mỗi quốc gia. Các mạng lưới này là cần thiết đối với các công ty lớn và nhỏ như: một công ra vào đối với các dịch vụ Internet, các sản phẩm điện thoại di động thông minh, các thiết bị máy tính bảng với các ứng dụng và nội dung tích hợp của các thiết bị này. Các thành viên TPP cam kết đảm bảo rằng các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông trong lãnh thổ của mình cung cấp sự kết nối

nội địa, các dịch vụ cho thuê thiết bị, địa điểm dùng chung, và tiếp cận các công hoặc thiết bị khác theo các điều khoản và điều kiện hợp lý và theo một thời gian kịp thời. Các thành viên cũng cam kết, nếu có yêu cầu cấp giấy phép, thì phải đảm bảo sự minh bạch về bất kỳ quy định nào trong lĩnh vực này và quy định đó không giới hạn các công nghệ cụ thể như cách thức nhằm tạo điều kiện cho công nghệ trong nước. Các thành viên cũng đồng ý thúc đẩy cạnh tranh nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc sử dụng các phương tiện khác nhau trong chuyển vùng di động. Các thành viên TPP đồng ý rằng nếu một Thành viên lựa chọn quản lý mức phí dịch vụ chuyển vùng di động quốc tế bán buôn thì Thành viên đó phải cho phép các nhà hoạt động từ các Thành viên TPP không quản lý các dịch vụ điện thoại được hưởng lợi ích với mức phí thấp hơn.

Thương mại điện tử (chương 14)

Các Thành viên TPP cam kết đảm bảo sự tự do lưu chuyển thông tin và dữ liệu toàn cầu để dẫn dắt nền kinh tế Internet và kỹ thuật số. Các nước đồng ý không yêu cầu các công ty TPP thiết lập các trung tâm dữ liệu để lưu trữ dữ liệu như là một điều kiện để được hoạt động tại một thị trường TPP và thêm vào đó, mã nguồn của phần mềm không được yêu cầu lưu chuyển hoặc tiếp cận. Nghiêm cấm việc áp dụng thuế quan đối với các sản phẩm kỹ thuật số và ngăn chặn các thành viên TPP tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp dịch vụ trong nước đối với các sản phẩm kỹ thuật số này thông qua các biện pháp như thuế phân biệt đối xử hoặc sự ngăn cấm một cách triệt để. Để bảo vệ người tiêu dùng, các Thành viên TPP đồng ý thông qua và duy trì luật bảo vệ người tiêu dùng các hoạt động thương mại gian lận và lừa bịp trực tuyến và đảm bảo rằng sự riêng tư và việc bảo

vệ người tiêu dùng khác sẽ có hiệu lực tại các thị trường TPP. Các Thành viên cũng được yêu cầu phải có các biện pháp để chấm dứt các tin nhắn thương mại điện tử được gửi đi không do yêu cầu. Chương này cũng quy định khuyến khích các nước TPP thúc đẩy thương mại không giấy tờ giữa các doanh nghiệp và chính phủ, chẳng hạn như các mẫu khai thuế quan, chứng thực và chữ ký điện tử cho các giao dịch thương mại. 12 Thành viên TPP đồng ý hợp tác để giúp đỡ các doanh nghiệp nhỏ và vừa tận dụng lợi thế của thương mại điện tử và khuyến khích hợp tác chính sách liên quan tới việc bảo vệ thông tin cá nhân, bảo vệ người tiêu dùng trực tuyến, ngăn chặn sự đe dọa của tội phạm máy tính và khả năng phạm tội máy tính.

Mua sắm chính phủ (chương 15)

Các Thành viên TPP cùng quan tâm tới mở cửa thị trường mua sắm chính phủ rộng lớn của nhau thông qua các quy tắc công bằng, minh bạch, có thể dự đoán, và không phân biệt đối xử. Các Thành viên cũng đồng ý công bố các thông tin liên quan một cách kịp thời, qua đó các nhà cung cấp có đủ thời gian nhận được hồ sơ dự thầu và nộp bản chào thầu, cũng như đối xử với các nhà thầu một cách công bằng, bình đẳng, và duy trì tính bảo mật cho các nhà thầu. Các thành viên đồng ý sẽ sử dụng các mô tả kỹ thuật công bằng và khách quan, sẽ chỉ duyệt hợp đồng dựa trên những tiêu chí đánh giá đã mô tả trong các thông báo và hồ sơ dự thầu, sẽ xây dựng các quy trình hợp lý để chất vấn hoặc xem xét các khiếu nại đối với một phê duyệt nào đó.

Tại các phụ lục kèm theo chương này, mỗi thành viên TPP đưa ra một danh sách các cơ quan Nhà nước (phần lớn ở cấp trung ương, riêng với Chilê và Peru cam kết ở cả cấp địa phương) và các ngưỡng mức thầu tối thiểu.

Chính sách cạnh tranh (chương 16)

Các Thành viên TPP cùng quan tâm bảo đảm một khung khổ cạnh tranh bình đẳng trong khu vực thông qua những quy định yêu cầu các Thành viên TPP duy trì hệ thống luật pháp, cấm những hành vi kinh doanh phi cạnh tranh, cũng như những hoạt động thương mại gian lận và lừa đảo, gây thiệt hại cho người tiêu dùng. Các Thành viên TPP đồng ý sẽ thông qua hoặc duy trì hệ thống luật cạnh tranh quốc gia và sẽ làm việc để áp dụng những luật lệ này vào tất cả các hoạt động kinh doanh trong phạm vi lãnh thổ của mình. Để đảm bảo những luật lệ này được thực thi một cách hiệu quả, các Thành viên TPP đồng ý sẽ thành lập hoặc duy trì các cơ quan chức năng chịu trách nhiệm về việc thực thi luật cạnh tranh quốc gia, và thông qua hoặc duy trì luật lệ hoặc quy định cấm các hoạt động gian lận, lừa đảo thương mại gây thiệt hại hoặc có khả năng gây thiệt hại cho người tiêu dùng. Các Thành viên cũng đồng ý sẽ hợp tác, trong trường hợp có thể, về những vấn đề các bên cùng quan tâm liên quan đến các hoạt động cạnh tranh. 12 Thành viên đồng ý với những nghĩa vụ liên quan đến thủ tục hợp lý và tính công bằng trong quy trình, cũng như quyền cá nhân đối với những hành động gây ra tổn hại do vi phạm luật cạnh tranh của một Thành viên và đồng ý hợp tác trong phạm vi chính sách cạnh tranh và thực thi luật cạnh tranh, bao gồm thông qua thông báo, tham vấn hoặc trao đổi thông tin.

Doanh nghiệp nhà nước (State-Owned Enterprises – SOE) (chương 17)

Các Thành viên TPP đều nhận thấy lợi ích của việc thống nhất một khung khổ quy định về cạnh tranh liên quan đến các SOEs. Chương này điều chỉnh những SOEs chủ yếu tham gia vào các hoạt động thương mại. Các Thành

viên nhất trí bảo đảm rằng các SOEs của mình sẽ tiến hành các hoạt động thương mại trên cơ sở tính toán thương mại, trừ trường hợp không phù hợp với nhiệm vụ mà các SOEs đó đang phải thực hiện để cung cấp các dịch vụ công. Các Thành viên cũng đồng ý bảo đảm rằng các SOEs hoặc đơn vị độc quyền sẵn có không có những hoạt động phân biệt đối xử đối với các doanh nghiệp, hàng hóa, dịch vụ của các Thành viên khác. Các Thành viên đồng ý trao cho tòa án quyền tài phán đối với các hoạt động thương mại của các SOEs nước ngoài và bảo đảm rằng các cơ quan hành chính quản lý cả các SOEs và doanh nghiệp tư nhân cũng làm như vậy một cách công bằng. Các Thành viên TPP đồng ý sẽ không tạo ra những ảnh hưởng tiêu cực đối với lợi ích của các Thành viên TPP khác khi cung cấp hỗ trợ phi thương mại cho các SOEs, hay làm tổn hại đến ngành trong nước của Thành viên khác thông qua việc cung cấp các hỗ trợ phi thương mại cho SOEs sản xuất và bán hàng hóa trên lãnh thổ của SOE khác đó. Các Thành viên TPP đồng ý chia sẻ danh sách các SOEs với các Thành viên khác và khi được yêu cầu sẽ cung cấp các thông tin bổ sung về mức độ sở hữu hoặc kiểm soát của chính phủ và những hỗ trợ phi thương mại cung cấp cho các SOEs. Chương này cũng đưa ra các trường hợp ngoại lệ cho các SOEs không có ảnh hưởng trên thị trường TPP, cũng như những ngoại lệ cụ thể theo từng nước, được quy định trong các phụ lục, gắn liền với Hiệp định TPP.

Sở hữu trí tuệ (chương 18)

Chương này xây dựng tiêu chuẩn cho bằng sáng chế trên cơ sở Hiệp định TRIPS của WTO và những thông lệ quốc tế tốt nhất. Về nhãn hiệu, chương này làm rõ và củng cố việc bảo vệ tên nhãn hiệu và những dấu hiệu khác mà các doanh nghiệp và cá nhân sử dụng để

phân biệt sản phẩm của họ trên thị trường. Chương này cũng yêu cầu các Thành viên đưa vào tính minh bạch và quy trình bảo vệ phù hợp liên quan đến việc bảo vệ những chỉ dẫn địa lý mới, bao gồm cả những chỉ dẫn địa lý đã được công nhận hoặc được bảo vệ ở những hiệp định quốc tế khác. Việc bảo vệ này bao gồm cả việc phân định rõ mối quan hệ giữa nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý, cũng như việc bảo vệ việc sử dụng những thuật ngữ thường dùng.

Chương IP sẽ tạo điều kiện dễ dàng hơn cho các doanh nghiệp trong việc tìm kiếm, đăng ký và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ở các thị trường mới, và đây là điều rất cần thiết cho các doanh nghiệp nhỏ. Bên cạnh đó, chương này cũng bao gồm những điều khoản thích hợp liên quan đến được phẩm tạo điều kiện cho việc phát triển các loại thuốc cứu sinh mới cũng như việc phổ biến các loại thuốc thông dụng, có tính đến thời gian từng Thành viên cần để đáp ứng được các tiêu chuẩn này. Chương này bao gồm những cam kết liên quan đến việc bảo mật kết quả thử nghiệm và các dữ liệu khác để có được quyền marketing được phẩm và hóa phẩm nông nghiệp. Chương này cũng tái khẳng định cam kết của các Thành viên với Tuyên bố 2001 của WTO về Hiệp định TRIPS và Sức khỏe cộng đồng và cụ thể là xác nhận rằng các Thành viên không bị hạn chế áp dụng các biện pháp bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bao gồm cả trong trường hợp có những đại dịch như HIV/AIDS.

Về bản quyền, chương IP xây dựng những cam kết liên quan đến quyền của người sáng chế, và tạo ra bảo hộ rõ rệt đối với các tác phẩm như bài hát, phim, sách, và phần mềm, và bao gồm những điều khoản cân đối và hiệu quả về các biện pháp bảo vệ công nghệ và thông tin quản lý bản quyền. Bên cạnh các cam kết này, chương này cũng bao gồm một nghĩa vụ

- lần đầu tiên xuất hiện trong các hiệp định thương mại - để các Thành viên có thể liên tục cố gắng đạt được sự cân bằng trong hệ thống bản quyền thông qua, trong số những nội dung khác, những ngoại lệ và hạn chế - bao gồm cả những nội dung trong môi trường số - để phục vụ những mục đích chính đáng, như phê bình, góp ý, báo cáo tin tức, dạy học, học bổng, và nghiên cứu. Chương này yêu cầu các Thành viên phải thông qua hoặc duy trì một khung khổ về vùng an toàn cho các nhà cung cấp dịch vụ Internet (ISP). Các nghĩa vụ này không cho phép các Thành viên tạo ra các vùng an toàn ngẫu nhiên để giám sát hệ thống của các IPS tìm kiếm nội dung vi phạm. Chương này yêu cầu các Thành viên TPP cung cấp các công cụ hợp pháp để ngăn ngừa việc sử dụng sai các bí mật thương mại, và xây dựng các quy trình thủ tục và xử phạt hình sự đối với tội phạm trộm cắp bí mật thương mại, bao gồm cả trộm cắp qua mạng.

Cuối cùng, các Thành viên TPP đồng ý cung cấp các hệ thống chế tài mạnh, bao gồm cả những quy trình thủ tục dân sự, các biện pháp tạm thời, các biện pháp quản lý biên giới, và chế tài hình sự đối với tội giả mạo nhãn hiệu và vi phạm bản quyền.

Lao động (chương 19)

Tất cả các Thành viên TPP đều là thành viên của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) và thừa nhận tầm quan trọng của việc thúc đẩy việc công nhận quyền của người lao động trên phạm vi quốc tế. Các Thành viên TPP đồng ý thông qua và duy trì trong luật và thực tiễn của mình các quyền cơ bản của người lao động như được thừa nhận trong Tuyên bố 1998 của ILO, đó là quyền tự do lập hội và quyền thương lượng tập thể; xóa bỏ lao động cưỡng bức; xóa bỏ lao động trẻ em và cấm các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất; và loại bỏ sự

phân biệt đối xử về việc làm và nghề nghiệp. Các Thành viên cũng đồng ý có luật quy định mức lương tối thiểu, số giờ làm việc, an toàn và sức khỏe nghề nghiệp. Những cam kết này áp dụng cả với các khu chế xuất. Các nước thành viên TPP đồng ý không miễn trừ hoặc giảm hiệu lực của luật lệ quy định việc thực thi các quyền cơ bản của người lao động để thu hút thương mại hoặc đầu tư, và sẽ thực thi hiệu quả luật liên quan đến lao động một cách bền vững hoặc đều đặn có thể có ảnh hưởng tới thương mại hoặc đầu tư giữa các Thành viên TPP. Chương này còn bao gồm cả những cam kết không khuyến khích việc nhập khẩu hàng hóa được sản xuất bằng lao động cưỡng bức hoặc lao động trẻ em, hoặc sử dụng đầu vào được sản xuất ra bằng lao động cưỡng bức, bất kể nước xuất xứ có nằm trong TPP hay không. Mỗi Thành viên TPP đều cam kết bảo đảm khả năng tiếp cận với hệ thống thủ tục hành chính và tư pháp công bằng, không thiên vị và minh bạch và sẽ cung cấp các biện pháp khắc phục hiệu quả những vi phạm luật lao động của mình. Các Thành viên cũng đồng ý cho phép sự tham gia của công chúng vào việc thực thi chương Lao động, bao gồm cả việc xây dựng cơ chế tiếp nhận ý kiến đóng góp của công chúng và đáp ứng các yêu cầu về thông tin.

Điều đáng chú ý là các cam kết tại chương này sẽ nằm trong đối tượng điều chỉnh của các thủ tục giải quyết khiếu nại được quy định tại chương Giải quyết tranh chấp. Để thúc đẩy việc giải quyết nhanh các vấn đề về lao động giữa các thành viên TPP, chương Lao động cũng xây dựng cơ chế đối thoại mà các Thành viên có thể lựa chọn áp dụng để cố gắng giải quyết bất cứ vấn đề nào về lao động trong chương này giữa các Thành viên. Cơ chế đối thoại này cho phép việc xem xét nhanh các vấn đề và cho phép các Thành viên cùng nhất

trí với chương trình hành động để xử lý vấn đề. Chương Lao động tạo ra một cơ chế hợp tác về các vấn đề về lao động, bao gồm cả các cơ hội để các bên đóng góp xác định phạm vi hợp tác và tham gia.

Môi trường (chương 20)

Các Thành viên TPP chia sẻ một cam kết mạnh mẽ nhằm bảo vệ và bảo tồn môi trường, bao gồm cả việc các thành viên làm việc với nhau nhằm giải quyết các thách thức về môi trường, buôn bán động vật hoang dã, khai thác trái phép, đánh bắt trái phép và bảo vệ môi trường biển. Trong khuôn khổ của Hiệp định TPP, 12 Thành viên nhất trí thực thi có hiệu quả pháp luật về môi trường và không làm suy giảm hệ thống pháp luật về môi trường nhằm mục đích khuyến khích thương mại và đầu tư. Các Bên cũng nhất trí thực thi các nghĩa vụ theo Công ước về Thương mại quốc tế đối với các loài động thực vật nguy cấp (CITES) và thực hiện các biện pháp nhằm đấu tranh và tăng cường hợp tác để ngăn chặn thương mại động thực vật hoang dã được tiến hành một cách bất hợp pháp. Ngoài ra, các Thành viên cũng đồng ý thúc đẩy quản lý phát triển rừng bền vững, bảo vệ và bảo tồn các loài động vật và giống cây hoang dã được xác định là nguy cấp trong lãnh thổ của nước mình, trong đó bao gồm cả các hành động mà các Bên tiến hành nhằm bảo tồn toàn vẹn sinh thái của các vùng tự nhiên được bảo vệ đặc biệt. Nhằm bảo vệ vùng đại dương chung, các Thành viên TPP nhất trí đối với quản lý bền vững nghề cá, thúc đẩy việc bảo tồn các loài sinh vật biển quan trọng, đấu tranh chống đánh bắt trái phép, cũng như nghiêm cấm một số hình thức trợ cấp nghề cá có tác động tiêu cực nhất dẫn đến tình trạng khai thác cạn kiệt nguồn tài nguyên cá. Các hình thức trợ cấp này ảnh hưởng tiêu cực đến dự trữ cá và tiếp tay cho các hoạt

động đánh bắt trái phép, không được thống kê và không được pháp luật quy định. Các Bên nhất trí tăng cường tính minh bạch liên quan đến các chương trình trợ cấp và nỗ lực hết sức ngăn chặn việc đưa ra các hình thức trợ cấp mới dẫn đến đánh bắt cạn kiệt và vượt quá trữ lượng các nguồn tài nguyên.

Các Thành viên TPP cũng nhất trí bảo vệ môi trường biển khỏi ô nhiễm từ tàu biển và bảo vệ tầng ô zôn khỏi các chất gây phá hủy. Các Thành viên tái khẳng định cam kết của họ trong việc thực thi Hiệp định nhiều bên về môi trường (MEAs) mà họ là thành viên. Các Thành viên cam kết minh bạch trong các vấn đề khi đưa ra, thực thi và thúc đẩy các quyết định về môi trường. Ngoài ra, các Thành viên nhất trí đối với việc tạo điều kiện cho cộng đồng đóng góp đối với việc thực thi các quy định trong Chương Môi trường thông qua việc thành lập Ủy ban về Môi trường nhằm giám sát việc thực thi chương này. Cuối cùng, các Bên cam kết hợp tác và giải quyết các vấn đề thuộc mối quan tâm chung, trong đó bao gồm các khu vực bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học, và thời gian chuyển đổi sang các nền kinh tế có mức khí thải thấp và phát triển bền vững.

Hợp tác và Nâng cao năng lực (Chương 21)

Mười hai nền kinh tế thành viên TPP rất đa dạng về trình độ phát triển. Mọi Thành viên đều nhận thức rằng các thành viên kém phát triển hơn có thể phải đối mặt với các thách thức nhất định khi thực thi hiệp định, tận dụng tối đa lợi thế về cơ hội do hiệp định này tạo ra và đảm bảo sự tham gia đầy đủ của các doanh nghiệp nhỏ hơn, cộng đồng vùng nông thôn, phụ nữ và các nhóm thu nhập xã hội thấp hơn. Các nước TPP đã đồng ý các phương thức hợp tác đa dạng, bao gồm hỗ trợ kỹ thuật, dự án chung, trao đổi thông tin và chuyên gia,... Để

thực thi các quy định này, các nước TPP đồng ý thành lập một Ủy ban về Hợp tác và Nâng cao năng lực nhằm phát hiện và rà soát các khu vực có tiềm năng hợp tác và xây dựng năng lực trên cơ sở tự nguyện và sự sẵn có của các nguồn lực. Ủy ban này sẽ thúc đẩy trao đổi thông tin nhằm hỗ trợ các yêu cầu về hợp tác và nâng cao năng lực. Bên cạnh đó, mỗi nước thành viên sẽ thiết lập một cơ quan đầu mối trong nước để điều phối các hoạt động hợp tác và nâng cao năng lực.

Cạnh tranh và Thúc đẩy kinh doanh (Chương 22)

Chương này nhằm mục đích giúp các Thành viên TPP đạt được tiềm năng của mình để nâng cao năng lực cạnh tranh của các thành viên và của cả khu vực nói chung. Chương này đưa ra các cơ chế chính thức nhằm rà soát tác động của TPP lên sức cạnh tranh của các Thành viên thông qua các cuộc đối thoại giữa các chính phủ và chính phủ, chính phủ với doanh nghiệp và chính phủ với cộng đồng với sự tham gia đặc biệt vào chuỗi cung ứng khu vực nhằm đánh giá sự phát triển, tận dụng lợi thế của các cơ hội mới, và giải quyết bất cứ các thách thức có thể nổi lên khi Hiệp định TPP có hiệu lực. Trong số các giải pháp này có việc thành lập Ủy ban về Cạnh tranh và Thúc đẩy kinh doanh. Ủy ban này sẽ nhóm họp thường xuyên nhằm rà soát tác động của Hiệp định TPP lên sức cạnh tranh của khu vực và quốc gia, và lên hệ thống kinh tế khu vực. Ủy ban sẽ xem xét các khuyến nghị và đề xuất từ các bên liên quan về cách thức mà Hiệp định TPP có thể nâng cao hơn nữa năng lực cạnh tranh, bao gồm cả việc tăng cường sự tham gia của các doanh nghiệp vừa và nhỏ vào chuỗi cung ứng khu vực. Chương này cũng thiết lập một khung cơ bản dành cho Ủy ban để đánh giá hoạt động của chuỗi cung ứng theo Hiệp định,

trong đó bao gồm các cách thức để thúc đẩy sự tham gia của SME vào chuỗi cung ứng và rà soát đóng góp của các bên liên quan và các chuyên gia.

Phát triển (chương 23)

Các thành viên TPP đảm bảo rằng Hiệp định TPP sẽ là một hiệp định mẫu, tiêu chuẩn cao cho thương mại và hội nhập kinh tế, và đặc biệt đảm bảo rằng mọi Thành viên TPP đều thu được các lợi ích từ hiệp định, có đầy đủ năng lực để thực thi các cam kết của mình và nổi lên như các nền kinh tế thịnh vượng hơn với một thị trường mạnh hơn. Chương này gồm 3 lĩnh vực cơ bản dành cho các chương trình hợp tác khi Hiệp định có hiệu lực. Các lĩnh vực này bao gồm: (1) tăng trưởng kinh tế toàn diện và cơ bản bao gồm cả phát triển bền vững, giảm đói nghèo và phát triển các doanh nghiệp nhỏ; (2) tăng trưởng phụ nữ và kinh tế, trong đó có việc hỗ trợ phụ nữ xây dựng năng lực và các kỹ năng, tăng cường sự tiếp cận của phụ nữ với thị trường, đạt được kỹ năng về công nghệ và tài chính, thiết lập mạng lưới lãnh đạo nữ giới, và chỉ ra các thực tiễn tốt nhất trong ứng dụng linh hoạt trong môi trường công việc; và (3) giáo dục, khoa học và công nghệ, nghiên cứu và đổi mới sáng tạo. Chương này cũng thiết lập Ủy ban TPP về phát triển - là cơ quan sẽ nhóm họp thường xuyên để thúc đẩy các chương trình hợp tác tự nguyện trong các lĩnh vực này và các cơ hội mới khi nó phát sinh.

Doanh nghiệp nhỏ và vừa (chương 24)

Các nước TPP chia sẻ mối quan tâm đến việc thúc đẩy sự tham gia của các doanh nghiệp nhỏ và vừa vào thương mại và bảo đảm rằng các doanh nghiệp nhỏ và vừa chia sẻ các lợi ích của Hiệp định TPP. Bên cạnh những cam kết tại các chương khác của Hiệp định về tiếp cận thị trường, giảm các công

việc giấy tờ, tiếp cận internet, thuận lợi hóa thương mại, chuyên phát nhanh và các nội dung khác, Chương này bao gồm các cam kết của mỗi Bên về thiết lập một trang web thân thiện dành cho đối tượng sử dụng là các doanh nghiệp nhỏ và vừa để dễ dàng tiếp cận các thông tin về Hiệp định TPP và những cách thức mà các doanh nghiệp nhỏ có thể tận dụng Hiệp định này, bao gồm cả việc giải thích các điều khoản của Hiệp định TPP liên quan tới doanh nghiệp nhỏ và vừa; các quy định và thủ tục liên quan tới quyền sở hữu trí tuệ; các quy định về đầu tư nước ngoài; các thủ tục về đăng ký kinh doanh; các quy định về lao động và các thông tin về thuế. Ngoài ra, Chương này quy định việc thành lập Ủy ban Doanh nghiệp vừa và nhỏ được tiến hành họp định kỳ để rà soát mức độ hỗ trợ của Hiệp định TPP cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, cân nhắc các cách thức để tận dụng hơn nữa những lợi ích của Hiệp định và giám sát các hoạt động hợp tác hoặc nâng cao năng lực để hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Hoạt động của Ủy ban này chủ yếu là hoạt động tư vấn xuất khẩu, hỗ trợ, đào tạo; chia sẻ thông tin; tài trợ thương mại và các hoạt động khác.

Sự rõ ràng và minh bạch về luật pháp và chính sách (chương 25)

Chương này sẽ giúp mở ra một môi trường thông thoáng, bình đẳng và dễ dự đoán dành cho các doanh nghiệp hoạt động trên các thị trường TPP bằng cách khuyến khích minh bạch hóa, công bằng và hợp tác giữa các chính phủ để đạt được một phương thức tiếp cận chính sách một cách rõ ràng. Chương này tạo thuận lợi về gắn kết môi trường chính sách tại mỗi quốc gia TPP bằng việc thúc đẩy các cơ chế cho quá trình tham vấn và hợp tác giữa các cơ quan nội bộ một cách hiệu quả; khuyến khích việc chấp nhận rộng rãi các chính sách

tốt, ví dụ như các đánh giá tác động của các biện pháp chính sách được đề xuất, trao đổi thông tin của các nhóm nền tảng cho quá trình chọn lựa các chính sách thay thế và bản chất của chính sách được giới thiệu. Chương này còn bao gồm các điều khoản nhằm giúp đảm bảo các chính sách rõ ràng, chính xác về mặt văn bản, theo đó cộng đồng có thể tiếp cận thông tin đối với các biện pháp chính sách mới, nếu có thể thì theo hình thức trực tuyến, và các biện pháp chính sách hiện hành đã được rà soát định kỳ nhằm quyết định xem các biện pháp đó hiện đang là các công cụ hiệu quả nhất để đạt được các mục tiêu đề ra. Ngoài ra, chương này cũng khuyến khích các chính phủ TPP cung cấp các báo cáo thường niên về tất cả các biện pháp chính sách mà chính phủ đó định thực hiện và yêu cầu thiết lập một Ủy ban mà theo đó sẽ cung cấp cho các quốc gia TPP, doanh nghiệp và xã hội tiếp tục có cơ hội báo cáo về quá trình thực thi, chia sẻ kinh nghiệm về các thực tiễn tốt nhất, và xem xét các khu vực có tiềm năng hợp tác.

Minh bạch hóa và Chống tham nhũng (chương 26)

Chương này nhằm thực hiện các mục tiêu, được chia sẻ bởi các Bên tham gia Hiệp định, tăng cường quản trị tốt và xử lý những ảnh hưởng xấu của nạn hối lộ và tham nhũng. Các Bên tham gia TPP phải đảm bảo rằng, trong chừng mực có thể, luật pháp, quy định và các quy chế hành chính có liên quan tới bất kỳ vấn đề nào được quy định bởi Hiệp định TPP sẽ được công bố công khai và tiếp nhận các nhận xét. Các Bên sẽ đảm bảo quyền lợi theo quy trình thủ tục đối với tố tụng hành chính cho các bên liên quan đến TPP, bao gồm việc nhanh chóng xem xét thông qua các tòa án hoặc thủ tục tố tụng hành chính hoặc quan tòa công bằng. Các Bên cũng đồng ý thông

qua hoặc duy trì luật hình sự hóa đối với việc cung cấp những lợi ích không chính đáng của một công chức hay những hành vi hối lộ khác có ảnh hưởng đến đầu tư và thương mại quốc tế. Các Bên cam kết sẽ áp dụng hiệu quả các quy định và luật pháp về chống hối lộ. Hơn nữa, các bên đồng ý nỗ lực duy trì hoặc áp dụng các tiêu chuẩn, quy tắc ứng xử của các công chức cũng như các biện pháp nhằm xác định và quản lý xung đột lợi ích, qua đó tăng cường đào tạo công chức, tránh việc sử dụng quà tặng, khuyến khích việc thông báo về các hành động hối lộ và có hình thức kỷ luật hoặc các biện pháp khác đối với các công chức có hành vi hối lộ.

Các điều khoản về hành chính và thể chế (chương 27)

Chương này xây dựng một khung thể chế thông qua đó các Bên có thể đánh giá và hướng dẫn việc thực hiện Hiệp định TPP, đặc biệt bằng việc thành lập Ủy ban TPP, bao gồm các Bộ trưởng hoặc các quan chức cấp cao, giám sát hoạt động và quá trình thực thi Hiệp định và định hướng phát triển trong tương lai. Ủy ban này sẽ rà soát mối quan hệ kinh tế và đối tác giữa các Bên theo định kỳ để đảm bảo duy trì liên kết chặt chẽ với những thách thức mà các bên gặp phải. Mọi sửa đổi cần có sự đồng thuận và kết luận thông qua các thủ tục pháp lý của các Bên. Chương này cũng quy định về đầu mối liên lạc của các Bên để tạo thuận lợi cho việc trao đổi thông tin và tạo ra một cơ chế để các Bên có thời hạn chuyển đổi cụ thể đối với một nghĩa vụ nào đó có thể báo cáo về tiến trình thực hiện và định hướng nhằm đảm bảo tính minh bạch trong việc thực hiện các nghĩa vụ.

Giải quyết tranh chấp (chương 28)

Chương này quy định giải quyết những vướng mắc trong quá trình thực hiện Hiệp định

TPP. Các Bên TPP sẽ cố gắng giải quyết các tranh chấp thông qua hợp tác và hiệp thương và khuyến khích sử dụng cơ chế giải quyết khác khi cần thiết. Trong trường hợp tham vấn thất bại, các Bên có thể yêu cầu thành lập một Ban Hội thẩm công bằng và không thiên vị. Cơ chế giải quyết tranh chấp đề ra trong Chương này áp dụng cho toàn bộ Hiệp định TPP, trừ một số ít trường hợp đặc biệt. Công chúng có thể theo dõi tiến trình tố tụng từ thời điểm các đệ trình được công bố, phiên điều trần cũng có thể công khai cho công chúng trừ khi các bên tranh chấp có ý kiến khác và báo cáo cuối cùng của các Ban Hội thẩm cũng sẽ được công bố. Các Ban Hội thẩm cũng sẽ cân nhắc các yêu cầu cung cấp quan điểm tới vụ tranh chấp từ các đơn vị phi chính phủ hoạt động trong lãnh thổ của bất kỳ Bên tranh chấp nào. Trong trường hợp tham vấn thất bại, các Bên có thể yêu cầu thành lập một Ban Hội thẩm trong vòng 60 ngày kể từ khi có yêu cầu tham vấn hoặc 30 ngày đối với hàng hóa mau hỏng. Ban Hội thẩm sẽ gồm 3 chuyên gia độc lập về thương mại quốc tế và có liên quan tới lĩnh vực tranh chấp cùng với một quy trình thủ tục để chắc chắn rằng Ban Hội thẩm sẽ được thành lập trong một khoảng thời gian nhất định ngay cả khi một Bên không chỉ định được một thành viên của Ban. Ban Hội thẩm sẽ tuân theo một quy tắc ứng xử nhằm đảm bảo tính thống nhất của cơ chế giải quyết tranh chấp. Ban Hội thẩm sẽ có một báo cáo ban đầu trong vòng 150 ngày kể từ khi thành viên cuối cùng của Ban được chỉ định hoặc 120 ngày trong trường hợp khẩn cấp, như là trường hợp liên quan tới các hàng hóa dễ hỏng. Báo cáo ban đầu này là báo cáo mật để các Bên có thể nhận xét bổ sung. Báo cáo cuối cùng sẽ được hoàn thành trong vòng 30 ngày kể từ ngày có báo cáo ban đầu và phải được công bố trong vòng 15 ngày phụ thuộc vào các thông tin mật

trong báo cáo. Để đảm bảo sự tuân thủ của các Bên, Chương này quy định cho phép sử dụng trả đũa thương mại, nếu một Bên không thực hiện nghĩa vụ của mình. Trước khi sử dụng biện pháp trả đũa thương mại, Bên không tuân thủ có thể thảo luận hoặc yêu cầu một khoảng thời gian hợp lý để khắc phục các vi phạm của mình.

Ngoại lệ (chương 29)

Chương Ngoại lệ mang lại sự linh hoạt cho các Bên trong Hiệp định TPP để đảm bảo đầy đủ quyền lợi chung, bao gồm lợi ích an ninh cơ bản và các phúc lợi công. Chương này kết hợp các ngoại lệ chung trong Hiệp định GATT cho các điều khoản liên quan tới hàng hóa thương mại, theo đó Hiệp định TPP sẽ không ngăn cản các Bên áp dụng hoặc thực thi các biện pháp cần thiết để bảo vệ đạo đức công cộng, bảo vệ đời sống hoặc sức khỏe con người, động vật hoặc thực vật, bảo vệ sở hữu trí tuệ, thực thi các biện pháp liên quan tới các sản phẩm của lao động tù nhân, để bảo vệ tài sản quốc gia, giá trị nghệ thuật, lịch sử, hoặc khảo cổ và bảo tồn các nguồn tài nguyên bị cạn kiệt. Chương này cũng bao gồm các ngoại lệ chung tương tự như quy định của Hiệp định GATS liên quan tới các điều khoản về thương mại dịch vụ. Chương này cũng quy định ngoại lệ về tự đánh giá áp dụng chung cho toàn bộ Hiệp định TPP, theo đó một Bên có thể sử dụng các biện pháp mà họ thấy cần thiết để bảo vệ lợi ích an ninh cơ bản. Chương này cũng xác định các hoàn cảnh cụ thể và điều kiện mà theo đó một Bên có thể áp dụng các biện pháp tự vệ tạm thời để hạn chế giao dịch - ví dụ như góp vốn, chuyển lợi nhuận và cổ tức, thanh toán lãi hoặc tiền bản quyền - đối với các khoản đầu tư, để đảm bảo chính phủ duy trì linh hoạt để quản lý dòng vốn biên động, bao gồm bối cảnh của cán cân thanh toán hoặc

các khủng hoảng kinh tế khác. Trong Hiệp định TPP không Bên nào bị ép buộc phải cung cấp thông tin nếu đi ngược lại quy định pháp luật trong nước hoặc lợi ích cộng đồng, hoặc phương hại đến lợi ích thương mại hợp pháp của doanh nghiệp cụ thể.

2. Cơ hội cho Việt Nam

Việt Nam là nước kém phát triển nhất trong các thành viên TPP và cũng được cho là nước có thể được hưởng nhiều lợi ích nhất do TPP mang lại. Các cơ hội và lợi ích có thể kể đến như sau:

2.1. Tăng trưởng kinh tế và GDP:

Nghiên cứu của P.Petri (2011) đã áp dụng mô hình cân bằng tổng quát có thể tính toán và chỉ rõ lợi ích của từng nước tham gia TPP. Nghiên cứu này đã chỉ ra rằng, Hiệp định TPP và trong tương lai là Khu vực thương mại tự do châu Á – Thái Bình Dương sẽ góp phần thúc đẩy tăng trưởng GDP của các nước tham gia nói riêng và của cả thế giới nói chung. Chỉ riêng TPP12 sẽ góp phần tạo ra 0,2% GDP của thế giới và nếu hiệp định này có thể phát triển thành FTAAP thì con số này sẽ là 1,2%. Xét về giá trị tuyệt đối, ba nước được lợi lớn nhất từ TPP lần lượt là Nhật Bản, Hoa Kỳ và Việt Nam, trong đó riêng Việt Nam thì TPP giúp tăng GDP thêm 36 tỷ USD. Xét về tỷ lệ thì Việt Nam là nước được lợi lớn nhất từ TPP với con số là 15,5% GDP với TPP và 28% với FTAAP. Nguyên nhân của sự gia tăng này đã được Peter Petri chỉ ra là nhờ tăng cường sự tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu và khu vực của các doanh nghiệp Việt Nam và thu hút đầu tư nước ngoài sau khi TPP có hiệu lực. Hiệp định TPP sẽ góp phần tạo ra một thị

trường cạnh tranh tự do, chiếm đến 30% GDP toàn thế giới và 40% giá trị thương mại toàn cầu. Điều này sẽ buộc các doanh nghiệp tham gia phải khai thác lợi thế của chính mình để vừa cạnh tranh vừa hợp tác. Đây là cơ sở để hình thành chuỗi giá trị, trong đó, mỗi quốc gia thành viên TPP sẽ tham gia một công đoạn trong toàn bộ mạng lưới sản xuất khu vực đó.

2.2. Áp lực đẩy mạnh cải cách nền kinh tế theo hướng thị trường:

TPP là cú hích cho Việt Nam thay đổi và phát triển, đẩy mạnh cải cách thể chế, minh bạch hóa môi trường kinh doanh. Quá trình đàm phán TPP (từ 2010) đã giúp chúng ta rà soát hệ thống pháp luật trong nước và có những bổ sung, điều chỉnh theo yêu cầu của thực tiễn hội nhập. Nếu như quá trình đàm phán BTA và WTO là cơ hội đầu tiên để Việt Nam rà soát hệ thống pháp luật thương mại thì sau 11 năm đàm phán gia nhập WTO, chúng ta cũng đã ban hành một khối lượng văn bản pháp quy trong nước không lồ, với Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp (sửa đổi), Luật Thương mại (sửa đổi),...³ Với đối tượng điều chỉnh không chỉ bao gồm những vấn đề thương mại truyền thống mà còn cả các vấn đề phi kinh tế thì việc tham gia Hiệp định TPP sẽ giúp chúng ta tiếp tục rà soát và cải cách thể chế trong nước với phạm vi rộng hơn và mức độ sâu hơn. Chẳng hạn, trong lĩnh vực thương mại dịch vụ (bao gồm nhiều ngành như ngân hàng, bảo hiểm, viễn thông, giáo dục,...), TPP tiếp cận theo nguyên tắc “chọn – bỏ” (negative list) đòi hỏi chúng ta phải rà soát tất cả các văn bản pháp luật có liên quan để có thể đưa ra danh sách bảo lưu các biện pháp không tương thích (Non-conformity measures). Đây là việc mà

³ Lương Văn Tự, 2012, Tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam và việc đàm phán, ký kết các Hiệp định thương mại tự do, Hội thảo “Đàm phán và ký kết các hiệp định thương mại tự do – Kinh nghiệm và thực tiễn”, Ủy ban đối ngoại quốc hội, 10/2012.

khi gia nhập WTO, với nguyên tắc “chọn-cho” (positive list) chúng ta không phải làm. Tính đến cuối năm 2013, chúng ta đã nỗ lực hoàn thành việc rà soát danh sách các biện pháp không tương thích này. Hoặc như việc chúng ta ban hành Luật Đầu tư công, sửa đổi Luật đấu thầu ... với các nội dung đáp ứng yêu cầu của TPP cũng vượt xa so với những gì chúng ta đã làm khi gia nhập WTO vì đây là lĩnh vực thuộc phạm vi Hiệp định mua sắm chính phủ của WTO (GPA) mà chúng ta không tham gia. Như vậy, đàm phán TPP đã giúp chúng ta đẩy nhanh quá trình rà soát, sửa đổi, bổ sung hệ thống pháp luật trong nước, đáp ứng yêu cầu hội nhập trong giai đoạn mới. Bên cạnh đó, khi Việt Nam thực thi các cam kết trong TPP, tính minh bạch sẽ được cải thiện hơn và từ đó các khe hở cho tham nhũng sẽ được giảm bớt⁴.

2.3. Sự đóng góp ý kiến của xã hội vào quá trình hoạch định chính sách

Cùng với Quyết định số 06/2012/QĐ-TTg, Hiệp định TPP đã tạo ra cơ hội cho phép các doanh nghiệp có thể tham gia vào quá trình đàm phán, hoạch định và thực thi chính sách thương mại ở Việt Nam thông qua đại diện là VCCI. Mặc dù, Quyết định chưa mở cánh cửa cho khối doanh nghiệp có thể trực tiếp tham gia vào quá trình đàm phán cũng như hoạch định và thực thi chính sách thương mại ở Việt Nam, nhưng Quyết định ra đời cũng là một sự đổi mới về tư duy từ việc ‘không cho phép’ đến việc cho phép tham gia một cách gián tiếp thông qua đại diện là VCCI. Cùng với sự mở đường về pháp lý của Quyết định số 06/2012/QĐ-TTg, quá trình đàm phán TPP nói riêng và hội nhập quốc tế nói chung đã có sự tham gia của nhiều đối tượng có liên quan. Đó là

Ủy ban tư vấn chính sách thương mại quốc tế, Trung tâm WTO của VCCI hay Nhóm “Những người quan tâm đến TPP” trên mạng xã hội facebook. Sự tham gia của xã hội vào quá trình hoạch định chính sách thương mại quốc tế sẽ đem lại lợi ích cho cả Nhà nước và chính doanh nghiệp, không chỉ riêng cho TPP mà cho toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

2.4. Xuất khẩu của Việt Nam sang các nước thành viên TPP

Trong lĩnh vực thương mại, TPP được coi là một trong nhiều con đường để tiến đến hình thành Khu vực thương mại tự do châu Á – Thái Bình Dương (FTAAP). Trong bối cảnh vòng đàm phán Doha của WTO còn đang vướng mắc, các nước đều đang theo đuổi các nỗ lực hình thành các khu vực thương mại tự do khu vực như vậy. Cũng cần chú ý rằng, các nghiên cứu đều cho rằng các con đường tuy khác nhau nhưng không mâu thuẫn với nhau (P. Petri, 2011). Với cách tiếp cận như vậy, Hiệp định TPP được kỳ vọng sẽ làm gia tăng thương mại giữa các nước.

Nghiên cứu của P.Petri (2011) đã áp dụng mô hình cân bằng tổng quát để chỉ ra tác động của TPP đến việc gia tăng luồng xuất nhập khẩu của các nước. Theo đó, riêng TPP sẽ làm luồng xuất khẩu và nhập khẩu của cả thế giới lần lượt tăng thêm 1,6% và 1,5%, đạt mức 28.415 tỷ USD và 29.734 tỷ USD vào năm 2025. Đối với Việt Nam, xuất khẩu các sản phẩm chế tạo của nước ta sẽ tăng 45,3% trong giai đoạn 2007-2025, tập trung vào mặt hàng dệt, may mặc và giày dép với tốc độ tăng trưởng bình quân năm là 72,4% và 62,2%. Tuy nhiên, nhập khẩu của nước ta cũng sẽ tăng đến 33,7% và cũng tập trung nhiều vào mặt hàng

⁴ Ý kiến của TS, Trần Lê Anh, giáo sư kinh tế Đại học Lasell (bang Massachusetts), xem tại: Minh Bích, 2011, *TPP: Cơ hội và thách thức đối với Việt Nam*, truy cập ngày 08/6/2013 <http://tamnhin.net/Diemnhin/18068/TPP-Co-hoi-va-thach-thuc-doi-voi-Viet-Nam.html>.

may mặc và giày dép. Điều này thể hiện rằng chúng ta cũng vẫn phải nhập khẩu các nguyên vật liệu để phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu.

2.5. Thu hút đầu tư nước ngoài:

Dòng FDI từ nước ngoài vào Việt Nam sẽ tăng nhanh để đầu tư sản xuất hàng xuất khẩu nhằm tận dụng ưu đãi thuế quan, tham gia chuỗi giá trị toàn cầu và do môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, có thể dự đoán được. Tham gia TPP sẽ là một cơ hội lớn để Việt Nam tiếp tục hoàn thiện môi trường đầu tư nhờ sự tương tác với môi trường đầu tư của các nước thành viên khác và sự cần thiết phải thay đổi thể chế hay cải cách để đáp ứng những đòi hỏi chung của TPP. Đồng thời, tạo ra làn sóng đầu tư vào Việt Nam thông qua việc mở rộng phạm vi đầu tư cũng như khắc phục các mặt hạn chế của tình hình đầu tư hiện nay về vấn đề môi trường và lao động.

3. Thách thức

3.1. Cải cách thể chế, hoàn thiện hệ thống luật pháp, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi và minh bạch

Cùng với Quyết định số 06/2012/QĐ-TTg, hiệp định TPP đã tạo ra cơ hội cho doanh nghiệp Việt Nam. Tuy nhiên, đi kèm với những cơ hội lớn đã được đề cập, cũng giống như việc gia nhập ASEAN và WTO, thách thức đối với Việt Nam chính là đổi mới và cải cách trong nước. Kinh nghiệm đã chỉ ra rằng, điều kiện đủ cho việc thu được các lợi ích từ các bước hội nhập quốc tế chính là cải cách trong nước. Nếu không có sự chuẩn bị chu đáo, thì việc tham gia TPP với tiến độ nhanh và có thể là quá sức chịu đựng của nền kinh tế sẽ không đem lại thành công như mong muốn. Như vậy, thách thức đối với Việt Nam chính là quá trình cải cách thể chế chưa đáp ứng được yêu cầu và mong đợi để thúc đẩy phát triển kinh tế, đặc biệt là vấn đề tham nhũng, tính minh bạch,

thủ tục hành chính, sự bình đẳng giữa SOE và doanh nghiệp tư nhân. Mặc dù Chính phủ Việt Nam đang nỗ lực cải cách thể chế, cải cách thủ tục hành chính nhằm cải thiện môi trường kinh doanh nhưng môi trường kinh doanh của Việt Nam vẫn được xem là yếu kém.

3.2. Năng lực cạnh tranh của một số ngành hàng và doanh nghiệp trước áp lực cạnh tranh từ bên ngoài

So với các nước TPP, trình độ phát triển thấp hơn của nước ta sẽ là một thách thức đối với nền kinh tế, một số ngành. Hiệp định TPP sẽ đặt các ngành trước sự cạnh tranh bình đẳng đối với các doanh nghiệp lớn, nhiều kinh nghiệm đến từ các nước phát triển như Hoa Kỳ, Nhật Bản, Australi, không chỉ ở thị trường trong nước mà còn cả ở thị trường nước ngoài. Đối với các ngành xuất khẩu như dệt may, da giày, thách thức trong việc tận dụng cơ hội giảm thuế, vượt qua các biện pháp kỹ thuật cũng như các quy định về quy tắc xuất xứ. Đối với các ngành như nông nghiệp, chăn nuôi,... TPP đặt ra thách thức trong việc cạnh tranh với hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài (thịt bò, sữa,...).

Để được hưởng lợi từ TPP, ngành dệt may và da giày phải đầu tư rất lớn để xây dựng các nhà máy sản xuất nguyên, phụ liệu (hiện đang phải nhập khẩu từ 70-80%) từ trong nước. Đây là thách thức rất lớn về vấn đề vốn, công nghệ và kinh nghiệm quản lý nhà nước, khi có nhiều nhà máy dệt, nhuộm, thuộc da ... (của cả nhà đầu tư nước ngoài) trên đất nước ta, nguy cơ lớn của ô nhiễm môi trường.

3.3. Năng lực thực thi chính sách của các cơ quan quản lý Nhà nước

TPP với nguyên tắc và tính cường chế cao sẽ là một thách thức đối với năng lực thực thi chính sách của các cơ quan Nhà nước. Hiệp định TPP, được xây dựng dựa trên nguyên

tắc ratchet, đòi hỏi chúng ta chỉ được phép có những chính sách thuận lợi, tự do hơn chứ không được phép thay đổi chính sách theo hướng bảo hộ hơn (kể cả khi nó không trái với các cam kết). Bên cạnh đó, Hiệp định TPP cho phép các nhà đầu tư trong và ngoài nước khiếu nại các chính sách Nhà nước chưa phù hợp và gây thiệt hại đến hoạt động đầu tư (cơ chế giải quyết tranh chấp giữa Nhà nước và nhà đầu tư – ISDS). Khi hiệp định TPP có hiệu lực, cùng với luồng vốn FDI vào nước ta thì khả năng nảy sinh các tranh chấp, bất đồng là hoàn toàn có thể. Điều đó sẽ thách thức năng lực thực thi chính sách của các cơ quan Nhà nước.

3.4. Cơ chế quản lý và năng lực quản trị đối với các doanh nghiệp Nhà nước, năng lực cạnh tranh toàn cầu của các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Đối với các doanh nghiệp, thách thức lớn nhất là đổi mới tư duy trong cạnh tranh. Quá trình chuyển đổi nền kinh tế từ cơ chế tập trung sang cơ chế thị trường đã thay đổi hành vi kinh doanh của đại bộ phận doanh nghiệp trong nền kinh tế. Tuy nhiên, quá trình tái cấu trúc khu vực doanh nghiệp nhà nước vẫn diễn ra một cách chậm chạp, dàn trải và thiếu đột phá... Đối với các doanh nghiệp tư nhân, điểm yếu của khu vực này là tư duy kinh doanh ngắn hạn, thiếu chiến lược và thiếu tính hợp tác. Để vượt qua các rào cản kỹ thuật, môi

trường trong TPP, đòi hỏi các doanh nghiệp phải có sự lựa chọn, theo dõi những thay đổi trong chính sách của các thị trường mục tiêu để chủ động chuẩn bị các biện pháp vượt rào cản chứ không phải chạy từ thị trường này sang thị trường khác. Trong cách tiếp cận này, đòi hỏi các doanh nghiệp phải xác định và tập trung khai thác lợi thế của mình và hợp tác với các đối tác phù hợp để có thể cùng nhau tiếp cận thị trường. Chính điều này đòi hỏi sự thay đổi tư duy kinh doanh của các doanh nghiệp Việt Nam.

3.5. Cam kết liên quan đến bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, quyền lập hội và bảo vệ người lao động theo tiêu chuẩn quốc tế;

Cách tiếp cận và cam kết về vấn đề sở hữu trí tuệ và lao động của các nước TPP, các nước có trình độ phát triển hơn Việt Nam, rất khác và rất mới đối với Việt Nam. Vấn đề này không mới đối với các nước khác trong, kể cả với những nước đang phát triển như Peru, nước này đã có FTA với Mỹ nên vấn đề này không mới. Nhưng đối với Việt Nam thì đây là FTA đầu tiên của chúng ta có các cam kết về lao động và cũng là lần đầu tiên chúng ta có các cam kết quốc tế về lao động. Mặc dù muốn hội nhập quốc tế thì phải chấp nhận những luật chơi chung, nhưng đây sẽ là một thách thức mới, đòi hỏi chúng ta học hỏi và tự nâng mình lên một chuẩn cao hơn. □

Tài liệu tham khảo

1. Blogger, *Việt Nam hưởng lợi lớn nhất từ TPP*. <http://antt.vn/>
2. Hoàng Văn Châu (Chủ biên), 2014, *Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình dương – TPP và vấn đề tham gia của Việt Nam*, Hà Nội: Nhà xuất bản Bách khoa.
3. Kabir Sehgal, 2015, *Three reasons to support the TPP agreement*. <http://www.cnbc.com/>
4. Summary of the Trans – Pacific Partnership Agreement, 2015; <https://ustr.gov/>
5. Wall Street Journal, *Dệt may Việt Nam hưởng lợi lớn từ TPP*. <http://antt.vn/>